# Phân hóa trở lại

05/11/2024

| Diễn biến thị trường trong phiên | | | |
|---|---|---|---|
| **Rating** | **VNI** | **HNI** | **UPCOM** |
| **Điểm** | 1,245.76 | 224.86 | 91.90 |
| % ngày | 0.08% | 0.18% | 0.32% |
| % tuần | -0.80% | -0.06% | -0.59% |
| % tháng | -2.04% | -3.53% | -0.82% |
| % năm | 15.60% | 3.08% | 8.85% |
| **GTGD (Tỷ VND)** | | | |
| Trong ngày | 10,973 | 765 | 378 |
| TB 1 tuần | 16,021 | 727 | 583 |
| TB 1 tháng | 15,392 | 881 | 691 |
| **Khối ngoại (Tỷ VND)** | | | |
| Mua | 939.58 | 17.10 | 8.52 |
| Bán | 1,795.02 | 34.57 | 5.38 |
| Giá trị ròng | -855.44 | -17.47 | 3.14 |
| **Độ rộng TT** | | | |
| Mã Tăng | 164 | 81 | 157 |
| Mã Giảm | 142 | 57 | 133 |
| Không Đổi | 109 | 178 | 613 |
| **Chỉ số chính** | | | |
| P/E | 13.11 | 15.21 | 30.22 |
| Vốn hóa TT (ngàn tỷ) | 5,122 | 317 | 1,455 |
| LS Cổ tức | 2.70% | 2.91% | 4.11% |

*Nguồn: Bloomberg – YSVN*

**VNINDEX**

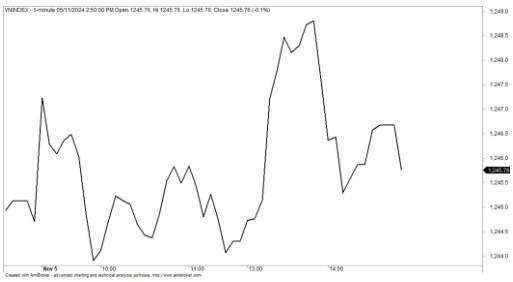

**HNXINDEX**

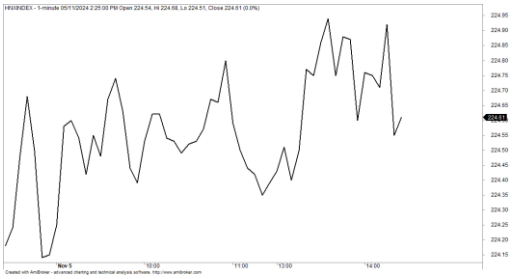

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Các chỉ số thị trường đi ngang và biến động hẹp với diễn biến phân hóa trở lại. Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 0.08 dừng tại 1245.76 điểm. Chỉ số HNX-Index cùng chiều tăng 0.18%, chỉ số Upcom-Index cộng thêm 0.32%. Giá trị giao dịch trên cả 3 sàn sụt giảm khi chỉ đạt 12,116 tỷ đồng khớp lệnh.

Nhóm Ngân hàng phân hóa trở lại trong phiên hôm nay với EIB (3.21%) cùng với SHB, MSB, VCB tăng giá trong khi CTG (-1.82%), STB (-0.14%), BID (-0.63%) ngược chiều giảm giá. Chỉ số VN30-Index đóng cửa tăng 0.05% với 11 mã tăng và 9 mã giảm.

Tâm lý ổn định trở lại đã giúp nhiều cổ phiếu hồi phục mạnh như HVN (5.56%), VTP (4.47%), ANV (1.52%), SIP (2.6%).

Khối ngoại tiếp tục nối dài đà bán ròng với giá trị gần 870 tỷ đồng tập trung tại MSN (169 tỷ), VHM (115 tỷ), MWG (87 tỷ). Ở chiều ngược lại, TCB (67 tỷ), EIB (33 tỷ), VPB (32 tỷ) đứng đầu danh sách mua ròng.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục đi ngang quanh mức hiện tại trong những phiên giao dịch tới. Đồng thời, thanh khoản sụt giảm mạnh cho thấy các nhà đầu tư chưa sẵn sàng quay trở lại thị trường, dòng tiền vẫn đang co cụm tại vùng hỗ trợ cho nên rủi ro ngắn hạn vẫn ở mức cao và các nhà đầu tư cần theo dõi thêm diễn biến thị trường trong những phiên giao dịch tới thay vì tham gia mua bắt đáy trong giai đoạn này. Ngoài ra, tâm lý ngắn hạn có lẽ đã giảm bi quan khi thị trường đã xuất hiện nhịp hồi kỹ thuật.

Xu hướng ngắn hạn của thị trường chung vẫn duy trì ở mức GIẢM. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp 30-40% danh mục ngắn hạn và chưa nên mua mới trở lại.

Tham khảo tín hiệu mua/bán cổ phiếu tại: https://ysradar.yuanta.com.vn/

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

*Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index*

*Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index*

| Chỉ số | Xu hướng ngắn hạn | Xu hướng trung hạn | Mức kháng cự 1 | Mức kháng cự 2 | Mức hỗ trợ 1 | Mức hỗ trợ 2 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Chỉ số VN-Index** | GIẢM | TĂNG | 1300 | 1330 | 870 | 800 |
| **Chỉ số HNX-Index** | GIẢM | TĂNG | 260 | 306 | 189 | 160 |
| **Chỉ số VN30** | GIẢM | TĂNG | 1336 | 1350 | 980 | 960 |
| **Chỉ số VNMidcaps** | GIẢM | TĂNG | 1280 | 1250 | 963 | 900 |
| **Chỉ số VNSmallcaps** | GIẢM | TĂNG | 1250 | 1250 | 804 | 750 |

**Sàn GDCK TPHCM (HSX)**

| | Điểm | Chg% |
|---|---|---|
| VNI | 1245.76 | 0.08% |
| VN30 | 1313.35 | 0.05% |
| VN Mid | 1858.44 | 0.21% |
| VN Small | 1390.26 | -0.08% |

| GDKN | GTGD (tỷ VND) | |
|---|---|---|
| Mua | 939.58 | |
| Bán | 1795.02 | |
| GT ròng | -855.44 | |

| Mã tăng lớn nhất* | Giá trị thay đổi (VND) | Chg% |
|---|---|---|
| TLG | 3600 | 6.52% |
| HVN | 1200 | 5.56% |
| VTP | 4100 | 4.47% |
| NO1 | 450 | 4.29% |
| PSH | 130 | 3.26% |

| Mã giảm lớn nhất* | Giá trị thay đổi (VND) | Chg% |
|---|---|---|
| CIG | -610 | -6.98% |
| TLD | -380 | -5.96% |
| FIR | -250 | -4.76% |
| YEG | -400 | -3.74% |
| NBB | -700 | -2.88% |

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

| GTVH cao nhất | Tỷ đồng | |
|---|---|---|
| VCB | 516,990,942 | |
| BID | 271,910,792 | |
| FPT | 195,357,988 | |
| CTG | 191,708,705 | |
| VHM | 180,706,251 | |

| KLGD nhiều nhất | Khối lượng | TB 30 ngày |
|---|---|---|
| DXG | 18,699,400 | 15,342,723 |
| MWG | 17,547,300 | 9,944,640 |
| SHB | 17,053,704 | 16,635,605 |
| EIB | 16,113,100 | 21,836,738 |
| VHM | 15,628,600 | 17,860,190 |

**Sàn GDCK Hà Nội (HSX)**

| | Điểm | Chg% |
|---|---|---|
| HNI | 224.86 | 0.18% |
| HN30 | 482.05 | 0.02% |
| VNX AllSh | 1300.83 | 0.09% |

| GDKN | GTGD (tỷ VND) | |
|---|---|---|
| Mua | 17.10 | |
| Bán | 34.57 | |
| GT ròng | -17.47 | |

| Mã tăng lớn nhất* | Giá trị thay đổi (VND) | Chg% |
|---|---|---|
| TVC | 800 | 7.92% |
| DXP | 200 | 1.71% |
| CEO | 200 | 1.35% |
| NTP | 600 | 1.07% |
| PPT | 100 | 0.79% |

| Mã giảm lớn nhất* | Giá trị thay đổi (VND | Chg% |
|---|---|---|
| DL1 | -300 | -4.48% |
| PLC | -900 | -4.25% |
| AAV | -100 | -1.59% |
| TFC | -400 | -1.23% |
| PVC | -100 | -0.85% |

| GTVH cao nhất | Tỷ đồng | |
|---|---|---|
| IDC | 18,380,996 | |
| PVS | 18,114,922 | |
| MBS | 15,426,808 | |
| HUT | 14,458,694 | |
| THD | 13,513,499 | |

| KLGD nhiều nhất | Khối lượng | TB 30 ngày |
|---|---|---|
| SHS | 18,199,571 | 10,437,054 |
| CEO | 2,391,053 | 3,948,556 |
| HUT | 1,968,371 | 2,038,316 |
| PVS | 1,479,608 | 2,314,765 |
| TVC | 1,387,119 | 279,399 |

**Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)**

| | Điểm | Chg% |
|---|---|---|
| UPCoM | 91.9 | 0.32% |

| GDKN | GTGD (tỷ VND) | |
|---|---|---|
| Mua | 8.52 | |
| Bán | 5.38 | |
| GT ròng | 3.14 | |

| Mã tăng lớn nhất* | Giá trị thay đổi (VND) | Chg% |
|---|---|---|
| HNG | 156 | 3.32% |
| VGI | 2279 | 3.26% |
| AAH | 101 | 2.89% |
| TTN | 257 | 1.71% |
| VEA | 644 | 1.45% |

| Mã giảm lớn nhất* | Giá trị thay đổi (VND) | Chg% |
|---|---|---|
| BGE | -288 | -2.57% |
| ECO | -339 | -2.09% |
| OIL | -201 | -1.76% |
| VEF | -3500 | -1.70% |
| C4G | -90 | -1.07% |

| GTVH cao nhất | Tỷ đồng | |
|---|---|---|
| ACV | 247,699,951 | |
| VGI | 212,765,447 | |
| MCH | 154,116,690 | |
| BSR | 64,595,809 | |
| VEA | 59,155,518 | |

| KLGD nhiều nhất | Khối lượng | TB 30 ngày |
|---|---|---|
| BCR | 1,986,951 | 1,680,508 |
| VCR | 1,693,000 | 2,043,759 |
| HNG | 1,662,273 | 3,093,716 |
| BSR | 1,391,807 | 4,842,908 |
| VGI | 1,304,693 | 1,173,210 |

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH

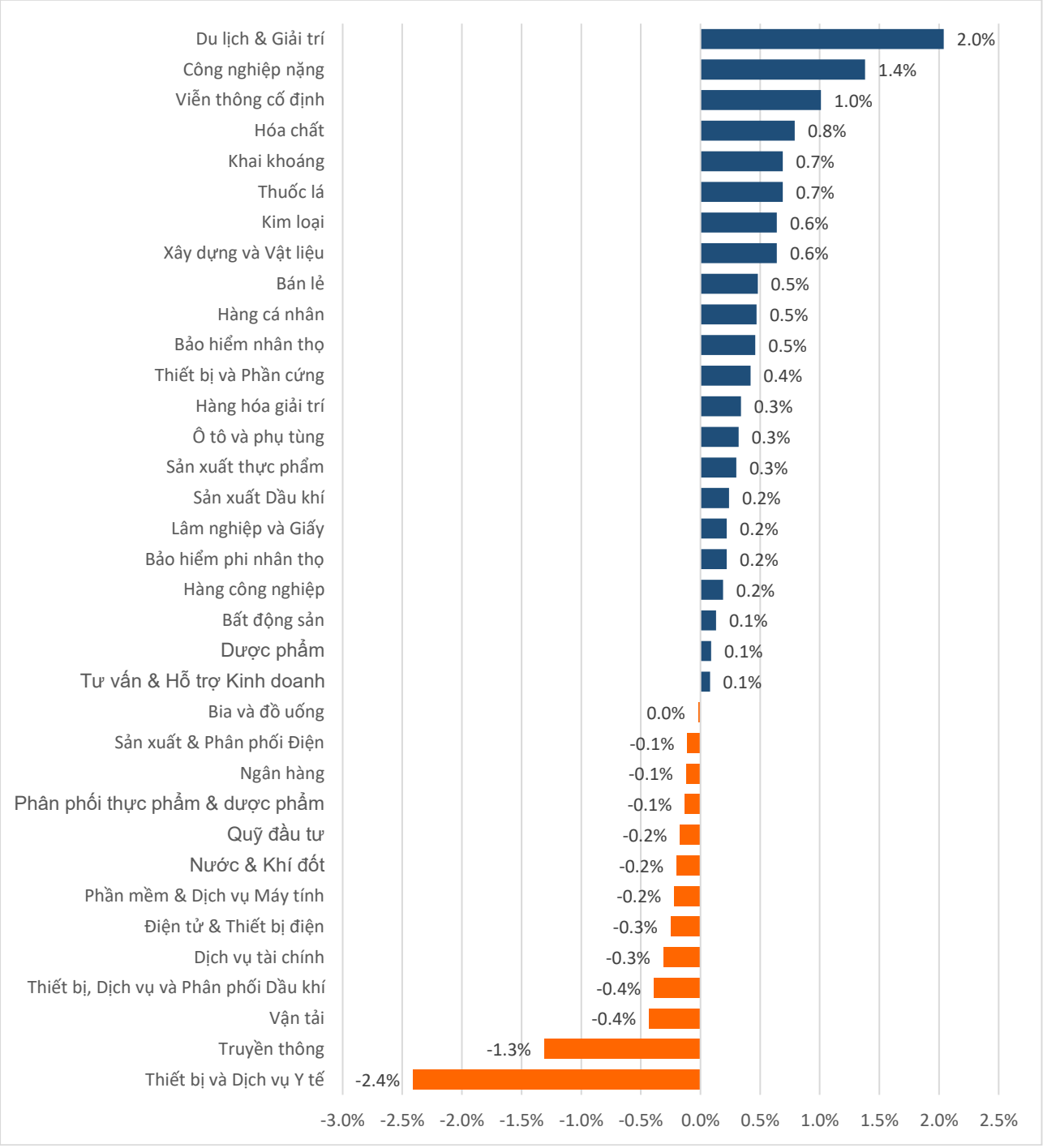


*Nguồn: FiinProX – YSVN*

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

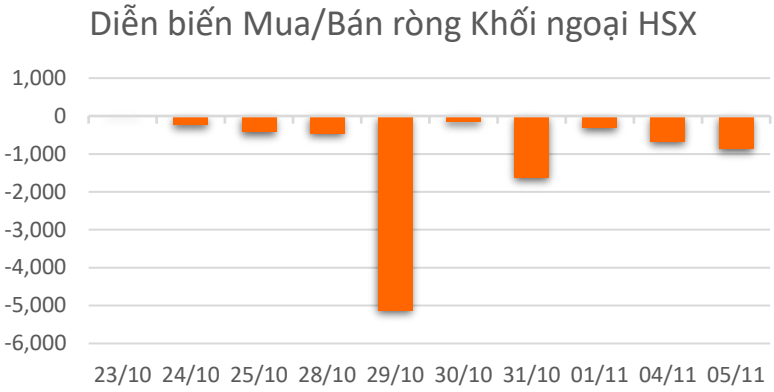


| Mã CK | Giá trị mua ròng (tr. VND) | Mã CK | Giá trị Bán ròng (tr. VND) |
|---|---|---|---|
| TCB | 67,167 | MSN | -169,395 |
| EIB | 32,542 | VHM | -115,370 |
| VPB | 32,483 | MWG | -86,612 |
| PC1 | 16,290 | FPT | -74,014 |
| LPB | 13,798 | BMP | -73,448 |

*TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX*

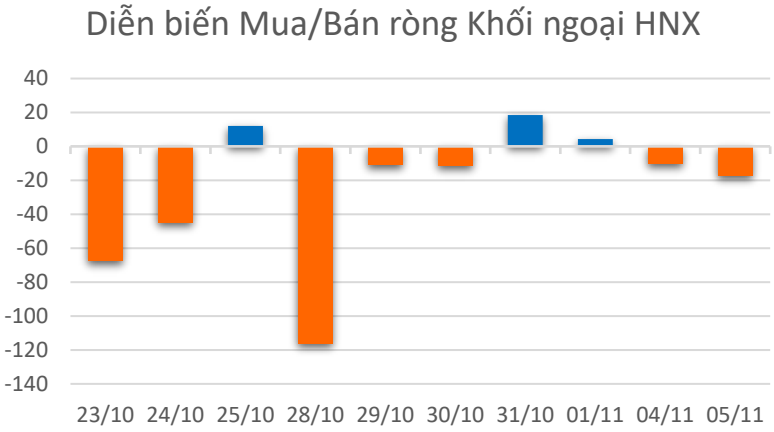


| Mã CK | Giá trị mua ròng (tr. VND) | Mã CK | Giá trị Bán ròng (tr. VND) |
|---|---|---|---|
| VGS | 2,652 | PVS | -5,554 |
| VFS | 1,003 | TNG | -3,772 |
| PVI | 997 | MBS | -3,721 |
| LAS | 431 | IDC | -3,287 |
| NTP | 204 | SHS | -2,168 |

*TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX*

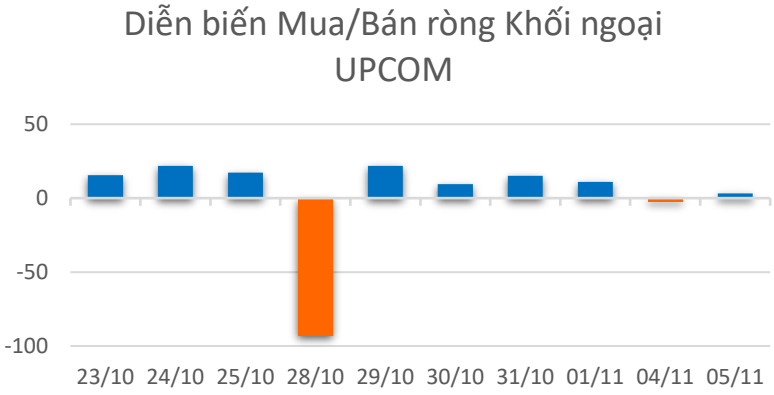


| Mã CK | Giá trị mua ròng (tr. VND) | Mã CK | Giá trị Bán ròng (tr. VND) |
|---|---|---|---|
| HNG | 4,519 | VGI | -1,079 |
| MCH | 2,035 | VGT | -952 |
| ACV | 661 | PAT | -724 |
| FT1 | 222 | VAB | -455 |
| ABI | 178 | AAS | -353 |

*TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM*

*Nguồn: FiinProX – YSVN*

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

| Mã CK | Giá trị mua ròng (tr. VND) | Mã CK | Giá trị Bán ròng (tr. VND) |
|---|---|---|---|
| MBB | 30,802 | MWG | 123,556 |
| VTP | 16,327 | NLG | 120,006 |
| BID | 14,475 | KDH | 55,781 |
| HDG | 8,226 | BMP | 53,330 |
| HAH | 3,530 | LPB | 35,283 |

*Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất trên HSX*

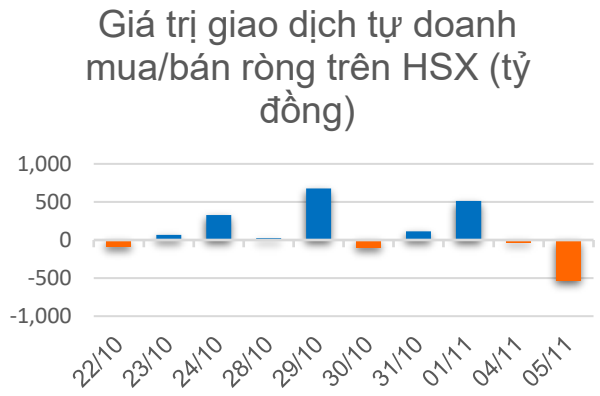


| Mã CK | Giá trị mua ròng (tr. VND) | Mã CK | Giá trị Bán ròng (tr. VND) |
|---|---|---|---|
| LAS | 1,988 | MBS | 1,421 |
| | | DVM | 348 |
| | | VC7 | 85 |
| | | KHS | 82 |
| | | | |

*Top các mã đạt GDTD lớn nhất trên HNX*

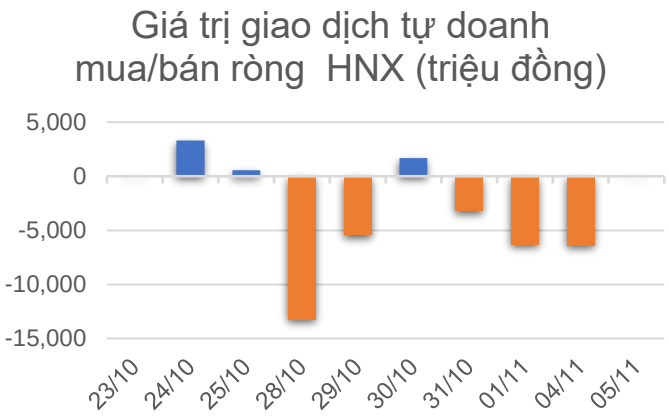


| Mã CK | Giá trị mua ròng (tr. VND) | Mã CK | Giá trị Bán ròng (tr. VND) |
|---|---|---|---|
| VGI | 14,538.42 | | |
| CLX | 231.00 | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

*Top các mã đạt GDTD lớn nhất trên UPCoM*

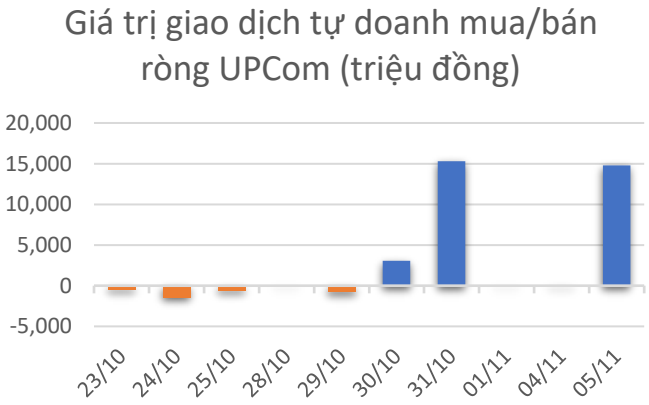

## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

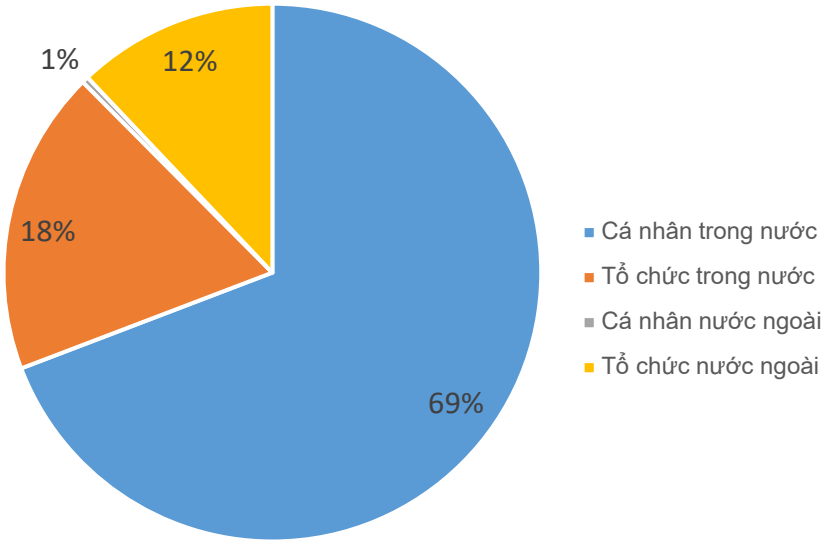


*Nguồn: FiinProX – YSVN*

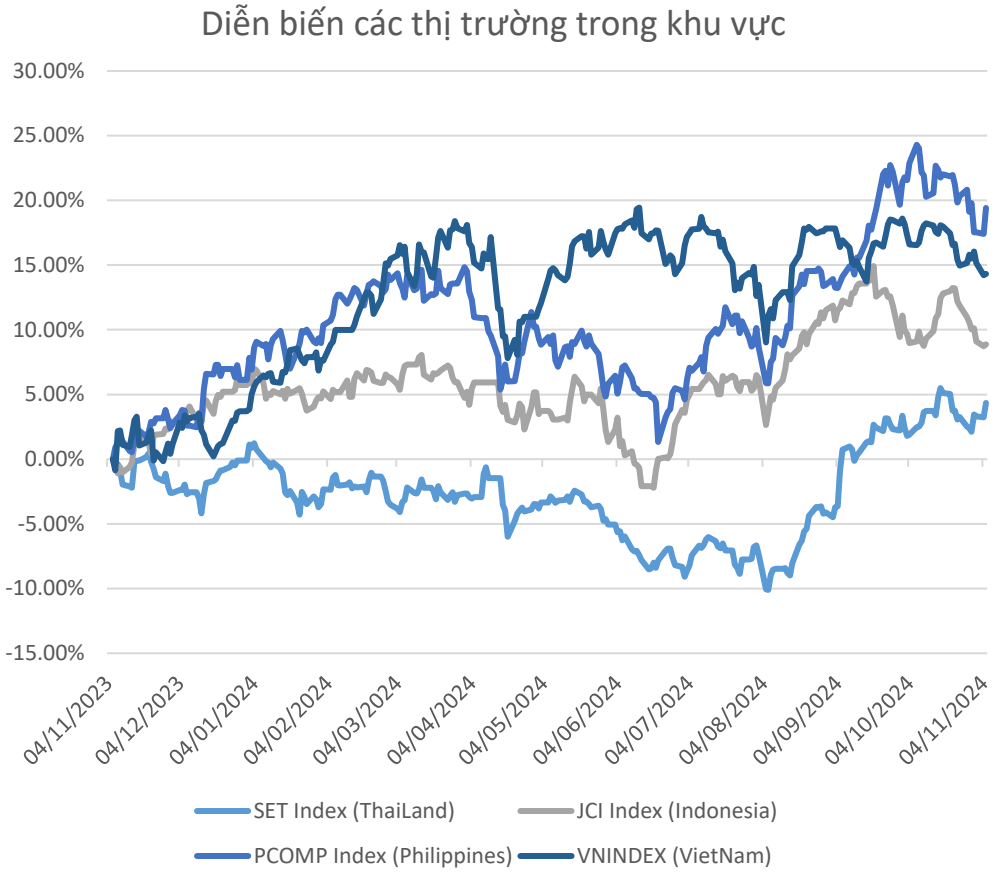


**Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực**

| | | Thái Lan | Indonesia | Philippines | Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|
| P/B | | 1.4x | 2.1x | 1.6x | 1.7x |
| P/E | | 18.6x | 15.2x | 13.3x | 13.5x |
| ROE | % | 7.65 | 25.37 | 12.16 | 12.51 |
| ROA | % | 1.99 | 6.81 | 2.68 | 1.93 |
| Vốn hóa | Tỷ USD | 539.04 | 798.92 | 167.69 | 202.26 |
| GTGD | Tỷ USD | 0.78 | 0.63 | 0.06 | 0.53 |
| LS cổ tức | % | 3.20 | 3.13 | 2.57 | 1.84 |

*Nguồn: Bloomberg & YSVN*

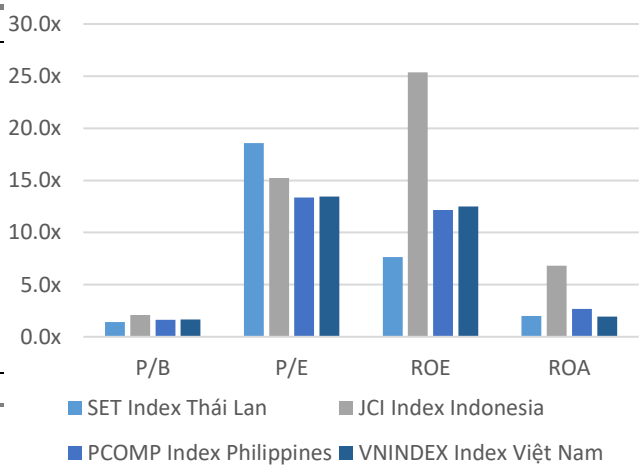

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

**Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân**
+84 28 3622 6868 ext 3826
research.re@yuanta.com.vn

# Appendix A: Important Disclosures

**Analyst Certification**
Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

**Ratings Definitions**
BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.
HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.
HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.
SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.
Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.
Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 months Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

**Global Disclaimer**
© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or and any form or manner, without the express written